SO SÁNH THẾ THỨ NỮ VỚI CHỮ ĐỀ HỆ THI

THỨ TỰ	ĐỜI	VUA GIA LONG NHẤT CHÁNH	ĐỜI	VUA MINH MẠNG NHỊ CHÁNH	ĐỀ HỆ		ĐỜI	VUA THIỆU TRỊ TAM CHÁNH	ĐỜI	VUA TỰ ĐỨC TỨ CHÁNH	ĐỜI	VUA DỤC ĐỨC NGŨ CHÁNH	ĐỜI	VUA HIỆP HÒA (6)	ĐỜI	VUA KIẾN PHÚC (7)	ĐỜI	VUA HÀM NGHI (8)	ĐỜI	VUA ĐỒNG KHÁNH (9)	ĐỜI	VUA THÀNH THÁI (10)	ĐỜI	VUA DUY TÂN (11)	ĐỜI	VUA KHẢI ĐỊNH LỤC CHÁNH (12)	ĐỜI	VUA BẢO ĐẠI (13)
CHỮ - TỪ	CON	Công Chúa			VIỆT	NÔM																						
CHỮ THỨ 1	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa	MIÊN	綿		(MIÊN TÔNG)																				
CHỮ THỨ 2	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	HỒNG	洪	CON	Công Chúa		(HỒNG NHẬM)				(HỒNG DẬT)														
CHỮ THỨ 3	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	ƯNG	膺	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa		(ƯNG CHÂN)	CON	Công Chúa		(ƯNG ĐĂNG)		(ƯNG LỊCH)		(ƯNG ĐƯỜNG)								
CHỮ THỨ 4	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	BỬU	寶	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa	CON	Công Chúa	CON	Công Chúa		(BỬU LÂN)				(BỬU ĐẢO)		
CHỮ THỨ 5		Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...	VĨNH	永	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	CHÁU	Công Nữ ...	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa		(VĨNH SAN)	CON	Công Chúa		(VĨNH THỤY)
CHỮ THỨ 6				Tôn Nữ ...	BẢO	保	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa	CHÁU	Công Nữ ...	CON	Công Chúa
CHỮ THỨ 7					QUÝ	貴		Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÁU	Công Nữ ...
CHỮ THỨ 8					ĐỊNH	定				Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...		Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHÁC	Công Tôn ...
CHỮ THỨ 9					LONG	隆						Tôn Nữ ...				Tôn Nữ ...		Tôn Nữ ...		Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...	CHIÊU	Công Huyền ...	CHÍT	Công Tằng ...
CHỮ THỨ 10					TRƯỜNG	長																Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...		Tôn Nữ ...	CHIÊU	Công Huyền ...
CHỮ THỨ 11					HIỀN	賢																		Tôn Nữ ...				Tôn Nữ ...
CHỮ THỨ 12					NĂNG	能																						
CHỮ THỨ 13					KHAM	堪																						
CHỮ THỨ 14					KẾ	繼																						
CHỮ THỨ 15					THUẬT	述																						
CHỮ THỨ 16					THẾ	世																						
CHỮ THỨ 17					THỤY	瑞																						
CHỮ THỨ 18					QUỐC	國																						
CHỮ THỨ 19					GIA	嘉																						
CHỮ THỨ 20					XƯƠNG	昌																						